

Số: 417/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai “Đề án phát triển các vùng rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển khai Đề án phát triển các vùng rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển vùng sản xuất rau an toàn, tập trung trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái; phù hợp với truyền thống sản xuất, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội từng địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm rau chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có khả năng cạnh tranh cao.

- Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa người trồng rau với Hợp tác xã/Tổ hợp tác và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm rau.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất, chế biến rau; tạo cơ chế, chính sách và đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật

2. Yêu cầu

Phát triển vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược Phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng rau trong tỉnh và một phần ngoại tỉnh, phát triển bền vững ngành hàng rau; góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030, dự kiến diện tích sản xuất rau an toàn, tập trung đạt 636ha. Trong đó, diện tích rau an toàn, tập trung, có truy xuất nguồn gốc đạt 104,9 ha.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất rau đạt chứng nhận an toàn thực phẩm, thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương,...) 10-15%, hữu cơ 01%.

- Đào tạo, tập huấn cho những hộ nông dân nhằm nâng cao trình độ về kỹ thuật ứng dụng công nghệ cao, các giải pháp kỹ thuật tiên tiến sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, hữu cơ,...) hướng đến nâng cao chất lượng, để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

Đến năm 2030, diện tích rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc toàn tỉnh khoảng 636 ha; sản lượng ước tính 6.400 tấn; gồm các chủng loại như: rau ăn lá trên 50% diện tích, còn lại rau lấy củ, rễ; rau lấy quả và các loại rau khác... Định hướng diện tích rau phân bố ở các địa phương như sau:

Đơn vị tính: Ha.

TT	Đơn vị	Diện tích vùng rau an toàn tập trung	Trong đó:			
			Sản xuất rau an toàn (VietGAP, hữu cơ, ATTP,...)	Sản xuất rau ứng dụng Công nghệ cao	Sản xuất rau cấp mã số vùng trồng	Sản xuất rau có truy xuất nguồn gốc
1	Phú Vang	189,0	189,0			
2	Phú Lộc	16,0	9,2	1,8	5,0	
3	TP Huế	6,0	6,0			
4	Quảng Điền	320,7	151,6	0,8	90,0	78,3
5	Phong Điền	50,0	5,0	1,0	20	24
6	A Lưới	5,1		3,1	1,0	1,0
7	Nam Đông	3,1	0,2	1,3	0,0	1,6
8	Hương Trà	15,0	12,0	3,0		
9	Hương Thủy	31,4	31,2	0,2		
Tổng		636,3	404,2	11,2	116,0	104,9

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng, về đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, xuất xứ,... nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật của tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức, nội dung truyền thông để người dân, doanh nghiệp và các thành phần xã hội hiểu về lợi ích của việc sản xuất, cung cấp, tiêu thụ rau an toàn. Tổ chức các buổi Hội thảo, các hội nghị đầu bờ, các buổi tham quan giữa người sản xuất, chế biến, vận chuyển, kinh doanh và người tiêu thụ rau an toàn; góp phần nâng cao đời sống dân cư khu vực nông thôn; về tăng trưởng xanh hạn chế ô nhiễm môi trường.

2. Về tổ chức sản xuất

- Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, các địa phương phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu để tăng diện tích và đa dạng chủng loại, mùa vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng; phù hợp với mục tiêu và định hướng của Kế hoạch và các định hướng khác có liên quan.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng rau, ưu tiên tại các vùng tập trung; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất rau từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Các địa phương cần thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã sản xuất rau an toàn để xây dựng mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất rau. Xây dựng các cụm liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ rau tại các địa phương, các vùng có sản lượng rau lớn.

- Triển khai, xây dựng các mô hình điểm về vùng sản xuất rau an toàn, tập trung theo chuỗi liên kết từ sản xuất, thu mua, bảo quản, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ phẩm.

- Đối với hộ gia đình sản xuất rau, cần liên kết với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã và Tổ hợp tác để sản xuất rau tại các vùng tập trung, gắn với tiêu thụ sản phẩm; Sản xuất rau hướng đến nâng cao chất lượng, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm. Đồng thời, tích cực tham gia các khóa đào tạo về kỹ thuật canh tác rau an toàn, kiến thức thị trường.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt: từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh rau an toàn (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...). Xây dựng mã số vùng trồng, bảo đảm truy xuất nguồn gốc. Kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

3. Về khoa học công nghệ

- Tập trung xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực chọn, tạo, nhập mới giống rau năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại và thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bền vững; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật sinh học; hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; chuyển giao quy trình sản xuất rau an toàn vào thực tiễn sản xuất.

- Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng tối đa các phụ phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, để phục vụ lại cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi.

- Ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới trong sơ chế, bảo quản, chế biến rau. Thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin thúc đẩy chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc trong sản xuất rau an toàn,...

4. Về thị trường tiêu thụ

- Vận động, hỗ trợ tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư hệ thống các điểm, cửa hàng để tổ chức thu mua, tiêu thụ sản phẩm an toàn, gắn với mã số vùng trồng và chỉ dẫn địa lý.

- Đa dạng hóa các kênh phân phối rau an toàn; kết nối hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản, liên kết để đưa sản phẩm rau an toàn vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Đặc biệt các hoạt động kết nối cung cầu, triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại,... để người tiêu dùng có đủ thông tin về sản phẩm rau Việt Nam,...

- Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, có chính sách hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

- Đẩy mạnh hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình xây dựng mã số, mã vạch, nhãn hiệu cho các sản phẩm rau gắn với mã số vùng trồng, mang tính đặc hữu của địa phương.

- Tổ chức và tham gia các chương trình hội chợ, triển lãm, kết nối sản xuất - tiêu thụ - quảng bá rau an toàn, nâng cao giá trị hàng nông sản. Mở rộng phạm vi cung ứng thực phẩm an toàn theo chuỗi tới địa bàn thành phố Huế, huyện, thị xã, khu du lịch và các bếp ăn tập thể, nhất là trường học, nhà hàng, khách sạn trên địa bàn thành phố Huế.

5. Về quản lý nhà nước

- Tổ chức, thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến phát triển sản xuất rau an toàn: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã,....

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất kích thích sinh trưởng, giống, chất bảo quản,...); nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm rau. Quản lý chặt chẽ các yếu tố gây ô nhiễm đất, nguồn nước tưới cho các vùng sản xuất rau an toàn,....

6. Về đầu tư tăng cường năng lực

Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất rau theo hướng xã hội hóa, chủ yếu là vốn của doanh nghiệp và người dân. Các hộ gia đình đầu tư hình thành vùng sản xuất rau tập trung. Hợp tác xã, Tổ hợp tác liên kết với các hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản rau. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở sơ chế, nhà máy chế biến, thương hiệu sản phẩm rau,.... Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất rau theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng cơ chế, chính sách; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực, ưu tiên nguồn nhân lực sản xuất rau an toàn; cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo, nghiên cứu sản xuất, chế biến rau; hạ tầng vùng sản xuất rau tập trung: giao thông, thủy lợi, điện,.....; chợ đầu mối, sàn giao dịch,....; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ,....

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả, lồng ghép các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2030.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Đề án với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan. Không để xảy ra trùng lặp, chồng chéo với các Đề án, Dự án do các cơ quan, tổ chức đã và đang triển khai thực hiện.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra đánh giá tiến độ và kết quả triển khai các nội dung Kế hoạch, định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu kinh phí thường xuyên của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm thực hiện kế hoạch, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương xây dựng và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; điều chỉnh cơ cấu đầu tư công trong nông nghiệp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

4. Sở Công Thương

Thông qua các chương trình, chính sách thuộc lĩnh vực công thương hỗ trợ phát triển sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm thuộc ngành hàng sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh, góp phần hình thành và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành và các địa phương liên quan triển khai các nội dung liên quan đến Kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển ngành hàng rau an toàn. Chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số; xây dựng cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án, kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho trồng trọt và chính sách về đất đai cho tổ chức, cá nhân phát triển trồng trọt tạo điều kiện cho nông dân sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp, bao gồm cả đất trồng lúa để phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy định pháp luật.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở, Trung tâm IOC phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm rau an toàn.

- Tăng cường, đẩy mạnh việc xúc tiến các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh rau an toàn; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến sản xuất rau an toàn.

8. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan triển khai các nội dung liên quan đến hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, khuyến công, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm trồng trọt; hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra; cung cấp kịp thời thông tin thị trường tiêu thụ; hỗ trợ xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra thị trường ổn định.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Thực hiện việc lồng ghép các nội dung của Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ động huy động lồng ghép các nguồn kinh phí và bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách của địa phương hàng năm để thực hiện.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác truyền thông đến toàn thể người dân được biết và phối hợp triển khai hiệu quả các nội dung của Kế hoạch trên phạm vi địa phương.

- Định kỳ hằng năm đánh giá tình hình thực hiện và kết quả triển khai Kế hoạch, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

10. Các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện; huy động nguồn vốn để tham gia phát triển vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc; các sở, ngành, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: NN&PTNT, TC, KH&ĐT, KH&CN, TT&TT, CT, TN&MT;
- TT XTĐTTM&HTDN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, XD, CN;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh